

THÔNG BÁO

**V/v niêm yết danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

Căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ);

Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC);

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND xã về việc kiểm soát TTHC năm 2023;

UBND xã công khai kết quả rà soát, tổng hợp TTHC đang thực hiện tại UBND xã đến thời điểm hiện nay như sau:

1. Số thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính do UBND tỉnh Hải Dương công bố: 139 thủ tục;
- Thủ tục hành chính liên thông do Văn phòng Chính phủ công bố: 03 thủ tục.

2. Mức độ dịch vụ công:

- Mức độ dịch vụ công một phần: 64 TTHC;
- Mức độ dịch vụ công toàn trình: 51 TTHC;
- Mức độ dịch vụ công cung cấp thông tin trực tuyến: 27 TTHC;

3. Kết quả công khai niêm yết: Niêm yết 142 thủ tục hành chính cụ thể như sau:

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
1	1.011606.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	UBND xã	Bảo trợ xã hội
2	2.000355.000.00.00.H23	Toàn trình	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có	UBND xã	Bảo trợ xã hội

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			hoàn cảnh khó khăn		
3	2.000751	Một phần	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	UBND xã	Bảo trợ xã hội
4	1.011607.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	UBND xã	Bảo trợ xã hội
5	1.001653.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	UBND xã	Bảo trợ xã hội
6	1.011608.H23	Toàn trình	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	UBND xã	Bảo trợ xã hội
7	1.011609.H23	Toàn trình	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	UBND xã	Bảo trợ xã hội
8	1.001699.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	UBND xã	Bảo trợ xã hội
9	2.002165.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	UBND xã	Bồi thường nhà nước
10	1.008603.000.00.00.H23	Một phần	Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải	UBND xã	Chính sách Thuế
11	2.000908.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	UBND xã	Chứng thực
12	2.000815.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền	UBND xã	Chứng thực

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
13	2.000884.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã	Chứng thực
14	2.001035.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	UBND xã	Chứng thực
15	2.001019.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực di chức	UBND xã	Chứng thực
16	2.001016.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	UBND xã	Chứng thực
17	2.001406.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã	Chứng thực
18	2.001009.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã	Chứng thực
19	2.000913.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND xã	Chứng thực
20	2.000927.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	UBND xã	Chứng thực

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
21	2.000942.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	UBND xã	Chứng thực
22	1.004492.000.00.00.H23	Một phần	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND xã	Các cơ sở giáo dục khác
23	1.004485.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND xã	Các cơ sở giáo dục khác
24	2.001810.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	UBND xã	Các cơ sở giáo dục khác
25	1.004443.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	UBND xã	Các cơ sở giáo dục khác
26	1.004441.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	UBND xã	Các cơ sở giáo dục khác
27	1.002192.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	UBND xã	Dân số - Sức khỏe sinh sản
28	2.001088.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	UBND xã	Dân số - Sức khỏe sinh sản

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
29	2.002409.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết khieu nại lần đầu tại cấp xã	UBND xã	Giải quyết khieu nại
30	2.002396.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	UBND xã	Giải quyết tố cáo
31	1.001193.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã	Hộ tịch
32	2.002516.000.00. 00.H23.	Một phần	Xác nhận thông tin hộ tịch	UBND xã	Hộ tịch
33	1.008977.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND xã	Hộ tịch
34	1.008978.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	UBND xã	Hộ tịch
35	1.008979.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	UBND xã	Hộ tịch
36	1.008980.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ	UBND xã	Hộ tịch

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007		
37	1.008981.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	UBND xã	Hộ tịch
38	1.008982.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	UBND xã	Hộ tịch

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
39	1.008985.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	UBND xã	Hộ tịch
40	1.008986.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ- TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ- TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	UBND xã	Hộ tịch
41	1.008988.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ- TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	UBND xã	Hộ tịch

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
42	HTX017	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ- TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	UBND xã	Hộ tịch
43	HTX018	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ- TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	UBND xã	Hộ tịch
44	HTX019	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ- CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	UBND xã	Hộ tịch

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
45	HTX024	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần	UBND xã	Hộ tịch
46	HTX025	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND xã	Hộ tịch
47	HTX030	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	UBND xã	Hộ tịch
48	1.000894.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã	Hộ tịch
49	1.001022.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND xã	Hộ tịch
50	1.000689.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	UBND xã	Hộ tịch
51	1.000656.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã	Hộ tịch
52	1.003583.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	UBND xã	Hộ tịch
53	1.000593.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	UBND xã	Hộ tịch
54	1.000419.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	UBND xã	Hộ tịch
55	1.004837.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ	UBND xã	Hộ tịch
56	1.004845.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	UBND xã	Hộ tịch

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
57	1.004859.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	UBND xã	Hộ tịch
58	1.004873.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND xã	Hộ tịch
59	1.004884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã	Hộ tịch
60	1.004772.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND xã	Hộ tịch
61	1.004746.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	UBND xã	Hộ tịch
62	1.005461.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai tử	UBND xã	Hộ tịch
63	2.000635.000.00.00.H23.	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	UBND xã	Hộ tịch
64	2.000986.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	UBND xã	Hộ tịch
65	2.001023.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	UBND xã	Hộ tịch
66	KLLNX004	Một phần	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại.	UBND xã	Kiểm lâm, Lâm nghiệp .
67	1.010736.000.00.00.H23	Cung cấp	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	UBND xã	Môi trường

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
		thông tin trực tuyến			
68	1.004082.000.00. 00.H23	Toàn trình	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	UBND xã	Môi trường
69	1.010833.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	UBND xã	Người có công
70	2.001263.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	UBND xã	Nuôi con nuôi
71	2.001255.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	UBND xã	Nuôi con nuôi
72	1.003596.000.00. 00.H23	Toàn trình	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	UBND xã	Nông nghiệp
73	2.002400.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục Kê khai tài sản, thu nhập	UBND xã	Phòng, chống tham những
74	2.002401.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	UBND xã	Phòng, chống tham những
75	2.002402.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	UBND xã	Phòng, chống tham những
76	2.002403.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	UBND xã	Phòng, chống tham những

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
77	2.002161.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	UBND xã	Phòng, chống thiên tai
78	2.002162.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	UBND xã	Phòng, chống thiên tai
79	2.002163.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	UBND xã	Phòng, chống thiên tai
80	1.010091.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	UBND xã	Phòng, chống thiên tai
81	1.010092.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	UBND xã	Phòng, chống thiên tai
82	1.000132.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	UBND xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
83	1.010941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	UBND xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
84	2.001457.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
85	2.001449.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
86	2.000930.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
87	2.002080.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
88	2.000333.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
89	2.000373.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận hòa giải viên	UBND xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
90	1.000775.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện	UBND xã	Thi đua - khen

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			nhiệm vụ chính trị		thường
91	2.000346.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	UBND xã	Thi đua - khen thưởng
92	2.000337.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	UBND xã	Thi đua - khen thưởng
93	1.000748.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	UBND xã	Thi đua - khen thưởng
94	2.000305.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	UBND xã	Thi đua - khen thưởng
95	2.002226.000.00. 00.H23	Một phần	Thông báo thành lập tổ hợp tác	UBND xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
96	2.002227.000.00. 00.H23	Một phần	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	UBND xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
97	2.002228.000.00. 00.H23	Một phần	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	UBND xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
					tác
98	1.008901.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	UBND xã	Thư viện
99	1.008902.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	UBND xã	Thư viện
100	1.008903.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	UBND xã	Thư viện
101	2.000794.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	UBND xã	Thể dục thể thao
102	1.003440.000.00. 00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	UBND xã	Thủy lợi
103	1.003446.000.00. 00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	UBND xã	Thủy lợi
104	2.001621.000.00. 00.H23	Một phần	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã	UBND xã	Thủy lợi

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			thực hiện)		
105	1.010945.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	UBND xã	Tiếp công dân
106	1.004941.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	UBND xã	Trẻ em
107	1.004944.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	UBND xã	Trẻ em
108	1.004946.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	UBND xã	Trẻ em
109	2.001942.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	UBND xã	Trẻ em
110	2.001944.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	UBND xã	Trẻ em
111	2.001947.000.00. 00.H23	Cung cấp thông tin trực	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực,	UBND xã	Trẻ em

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
		tuyên	bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
112	1.008004.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	UBND xã	Trồng trọt
113	2.000509.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
114	1.001028.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
115	1.001055.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
116	1.001078.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
117	1.001085.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
118	1.001090.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
119	1.001098.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
120	1.001109.000.00.	Toàn	Đề nghị thay đổi địa	UBND xã	Tôn

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
	00.H23	trình	điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		giáo Chính phủ
121	1.001156.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
122	1.001167.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	UBND xã	Tôn giáo Chính phủ
123	1.003622.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	UBND xã	Văn hóa
124	1.000954.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	UBND xã	Văn hóa
125	1.001120.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	UBND xã	Văn hóa
126	2.002501.000.00. 00.H23	Toàn trình	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	UBND xã	Xử lý đơn thư
127	DBX001	Một phần	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hệ phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	UBND xã	Đường bộ
128	DBX002	Một phần	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hệ phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	UBND xã	Đường bộ
129	1.004088.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội	UBND xã	Đường thủy

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác		nội địa
130	1.005040.000.00. 00.H23	Một phần	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	UBND xã	Đường thủy nội địa
131	1.004047.000.00. 00.H23	Một phần	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	UBND xã	Đường thủy nội địa
132	1.004036.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	UBND xã	Đường thủy nội địa
133	1.004002.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	UBND xã	Đường thủy nội địa
134	1.003970.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	UBND xã	Đường thủy nội địa
135	1.006391.000.00. 00H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang	UBND xã	Đường thủy nội địa

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
			đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.		
136	1.003930.000.00. 00.H23	Một phần	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	UBND xã	Đường thủy nội địa
137	2.001659.000.00. 00.H23	Một phần	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	UBND xã	Đường thủy nội địa
138	1.003554.000.00. 00.H23	Toàn trình	Hòa giải tranh chấp đất đai	UBND xã	Đất đai
139	1.005412.000.00. 00.H23	Một phần	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	UBND xã	Bảo hiểm
140	1.011733	Toàn trình	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia)	Công an huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công
141	1.011592	Toàn trình	Liên thông: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	Công an Xã, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ

ST T	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Cơ Quan	Lĩnh vực
142	1.011537	Toàn trình	Liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng	Công an Xã, Công an huyện, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động thương binh và xã hội	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công

Nơi nhận:

- UBND huyện; (để b/c)
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban, ngành, đoàn thể xã;
- Công chức chuyên môn của UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Du